

PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG PHÙ HỢP VỚI HỌC SINH KHUYẾT TẬT, HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ HỌC SINH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

NGUYỄN ĐỨC MINH

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
Email: ducminhvision@gmail.com

Tóm tắt: Chương trình giáo dục phổ thông được xây dựng dành cho học sinh trong độ tuổi học theo quy định của Luật Giáo dục. Khi học theo chương trình chung, học sinh khuyết tật, học sinh dân tộc thiểu số và học sinh giáo dục thường xuyên sẽ gặp những khó khăn do đặc điểm riêng về phát triển tâm, sinh lý và văn hóa, ngôn ngữ. Để đảm bảo công bằng về cơ hội tham gia giáo dục cho mọi học sinh, nhiều nước trên thế giới và Việt Nam đã thực hiện điều chỉnh chương trình giáo dục phổ thông và xây dựng chương trình hỗ trợ giáo dục dành cho các đối tượng này.

Từ khóa: Chương trình giáo dục phổ thông; chương trình giáo dục hỗ trợ; học sinh khuyết tật; học sinh dân tộc thiểu số; học sinh giáo dục thường xuyên.

(Nhận bài ngày 28/7/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 16/8/2016; Duyệt đăng ngày 25/8/2016).

1. Đặt vấn đề

Chương trình giáo dục (CTGD) phổ thông mới được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực. Đây là công việc đang được ngành Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) tập trung ưu tiên nhằm đảm bảo thực hiện thành công Nghị quyết số 29-NQ/TW về *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục (GD) và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa-hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*. Về nguyên tắc, CTGD phổ thông được xây dựng để đáp ứng mục tiêu GD cho trẻ em trong độ tuổi từ 6 đến 18 tuổi với mức độ phát triển chung. Tuy nhiên, xã hội luôn có những trẻ do đặc điểm phát triển hoặc các điều kiện về văn hóa, kinh tế riêng (trẻ khuyết tật, trẻ dân tộc thiểu số (DTTS), trẻ lao động, trẻ bị lạm dụng, trẻ em có điều kiện đặc biệt khó khăn,...) sẽ gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận với CTGD chung này.

Mặt khác, Luật GD và các bộ luật khác của Việt Nam đã quy định về việc bảo đảm mọi trẻ em đều bình đẳng về cơ hội tham gia và có trách nhiệm thực hiện phổ cập GD. Do đó, để thực hiện quyền và trách nhiệm của mình trong thực hiện phổ cập GD, học tiếp nâng cao trình độ, HS khuyết tật (HSKT), HS DTTS và HS học GD thường xuyên (GDTX) cần nhận được những hỗ trợ bổ sung. Cụ thể: HS được giảm những nội dung chương trình (CT) mình không thể tham gia học tập, được cung cấp các tài liệu học tập (TLHT) phù hợp với khả năng, được phục hồi chức năng, phát triển các kĩ năng (KN) đặc thù, cung cấp các phương tiện hỗ trợ, tiếp cận với cơ sở vật chất bảo đảm để có thể bình đẳng tham gia GD,... Để bảo đảm hội bình đẳng tham gia GD của HS có nhu cầu GD đặc biệt, CTGD phổ thông cần điều chỉnh và xây dựng được các CTGD hỗ trợ cho đối tượng HS này.

2. Một số nghiên cứu và kinh nghiệm về điều chỉnh chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với học sinh khuyết tật, học sinh dân tộc thiểu số và học sinh giáo dục thường xuyên

2.1. Các nghiên cứu và kinh nghiệm quốc tế

2.1.1. Về điều chỉnh chương trình giáo dục phổ thông và xây dựng chương trình dành cho học sinh khuyết tật

Nghiên cứu của tác giả Thorburn, J. (1998) về *Hòa nhập mọi người - Dạy học (DH) HS có nhu cầu đặc biệt trong lớp phổ thông - Including Everyone: Teaching Students with Special Needs in Regular Classrooms*, có 3 hướng tiếp cận điều chỉnh trong GD, DH, bao gồm: Về môi trường GD, DH; Về nội dung CTGD; Về phương pháp GD, DH. Eggen và Kauchak (1997) đã đưa ra phương pháp DH cá biệt hoá, để cập gián tiếp đến việc điều chỉnh quá trình DH nhằm đáp ứng nhu cầu học tập cụ thể của mỗi HS.

Ở Mỹ, từ năm 1997, trong Đạo Luật GD người khuyết tật (IDEA) đã có quy định về HSKT: Có quyền tiếp cận các CTGD phổ thông; Được tham gia vào các CTGD nói chung; Đạt được tiến bộ trong CTGD phổ thông. Trong IDEA, HSKT được tham gia vào các CTGD phổ thông nhưng phải đảm bảo các mục tiêu trong kế hoạch GD cá nhân (IEP). Để tiếp cận CTGD phổ thông, HS có thêm kế hoạch GD cá nhân. Thực chất kế hoạch GD cá nhân là sự điều chỉnh CTGD phổ thông phù hợp với từng cá nhân HS.

Ở Úc, có một CT phổ thông chung cho mọi đối tượng bao gồm: Trẻ phát triển bình thường, trẻ có khuyết tật và trẻ có tài năng. Để giúp HSKT tham gia học tập, giáo viên áp dụng các hình thức điều chỉnh, trong đó có hai hình thức điều chỉnh chính: Điều chỉnh các yếu tố liên quan đến HS (thời gian, khuyến khích, động viên, cung cấp thiết bị hỗ trợ); Điều chỉnh về mục tiêu, nội dung, đánh giá (ĐG)...



Ở Anh, tất cả các trường và các cơ quan GD địa phương phải sử dụng CTGD quốc gia, trong đó kết hợp với một tuyên bố chung về GD hòa nhập cung cấp cơ hội học tập hiệu quả cho tất cả trẻ em nhằm: Thiết lập những hình thức học tập phù hợp; Đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của HS, giúp HS vượt qua rào cản. Những hướng dẫn chung về kế hoạch GD, DH và ĐG của giáo viên dành cho HSKT nằm trong QCA (The Qualifications and Curriculum Authority) sẽ giúp các trường, các tổ chức GD điều chỉnh CTGD phổ thông.

Hàn Quốc có nhiều CT khác nhau: CT quốc gia cho GD phổ thông (The National curriculum for General Education), CT chung cơ bản cấp quốc gia (The national Common Basis Curriculum), CT quốc gia cho GD đặc biệt (The National Curriculum for Special Education) và CT cơ bản (Basis Curriculum). Từ những CT này, giáo viên phải là người quyết định xem CT nào là phù hợp nhất cho trẻ dựa trên nhu cầu của chúng. Chính phủ Hàn Quốc cũng phân phối, xuất bản rất nhiều loại sách giáo khoa (SGK) và TLHT, giảng dạy nhưng phần lớn giáo viên là người tạo ra hoặc điều chỉnh đồ dùng DH phù hợp với HS của họ.

2.1.2. Về điều chỉnh chương trình giáo dục phổ thông dành cho học sinh giáo dục thường xuyên

Trong lĩnh vực GDTX, CT tương đương được nhiều nước trong khu vực quan tâm phát triển. CT tương đương được quan niệm linh hoạt rộng rãi, bao gồm các CT thay thế tương đương với CTGD chính quy từ tiểu học đến trung học và đại học.

Với quan niệm CT học cần xuất phát từ người học, vì người học và cho người học, UNESCO và các nước trong khu vực cho rằng không thể có CT “phi đối tượng”, không thể chỉ có một CT dành cho mọi đối tượng. Vì vậy, các nước đều xây dựng CT riêng, tương đương với CTGD chính quy như Thái Lan, Indonesia, Ấn Độ, Philippin, Lào, Banglades,... Nhìn chung, các nước đều cho rằng tương đương về trình độ chứ không phải tương đương về nội dung kiến thức, thời lượng hay số môn học. Việc xây dựng CT tương đương cần phải tính đến vốn kinh nghiệm, hiểu biết thực tế đã có của học viên GD không chính quy.

Trong GDTX, các nước khi xây dựng CT tương đương có thể giảm bộ môn, giảm nội dung hoặc giảm thời lượng so với CT của GDPT hoặc có thể tích hợp. UNESCO cho rằng CT tương đương có thể giảm 25% nội dung của CT GDPT vì học viên của GD không chính quy đã có vốn kinh nghiệm và hiểu biết nhất định.

2.1.3. Về giáo dục dân tộc

GD dân tộc liên quan chặt chẽ đến GD cho những đối tượng người học được sinh ra và lớn lên trong các nền văn hóa đặc trưng. Mô hình GD đa văn hoá được xây dựng bởi Banks (1991) chứng minh mối quan hệ giữa nền văn hoá của quốc gia và văn hoá địa phương ở Mĩ. Những mối quan hệ này được mô tả có tính chất riêng biệt, trùng lặp, tương tác và tương hỗ cùng lúc. Những mô hình biểu thị thành viên của một nhóm dân tộc có một số đặc điểm văn hoá không thể chia sẻ với

các nhóm khác, một số nét tiêu biểu có thể chia sẻ với một số nhóm dân tộc khác nhưng không thể chia sẻ với các nhóm còn lại.

Năm 1979, Geneva Gay (University of Washington) đã xuất bản tài liệu Học thuyết về CTGD trong môi trường đa văn hoá (Curriculum Theory and Multicultural Education). Gay đưa ra mô hình “Những KN đa văn hoá cơ bản tích hợp” (Intergrative multicultural basic skills - IMBS) để chứng minh quan hệ tương tác giữa GDPT và việc lập kế hoạch CT đa văn hoá. Mô hình IMBS gồm 3 vòng tròn đồng tâm có mối liên hệ tương hỗ với nhau: Vòng tròn đầu thể hiện CT cốt lõi. Vòng tròn tiếp theo bao gồm các hoạt động đáp ứng nhu cầu của các cá nhân HS. Vòng tròn thứ 3 là các nguồn lực đa văn hoá, bao bọc 2 vòng tròn đầu. Tóm lại, GD đa văn hoá sẽ có CT chung và CT điều chỉnh phù hợp với đối tượng HS có văn hóa khác nhau để đảm bảo GD trong môi trường đa văn hóa.

Như vậy, nhiều nước trên thế giới đều sử dụng CTGD quốc gia chung trong GD người học khuyết tật, người DTTS hoặc GDTX. Tuy nhiên, để đáp ứng được đặc điểm phát triển riêng của những đối tượng người học này, các nước đều có những quy định và hướng dẫn điều chỉnh cụ thể bao gồm: Mọi người học có quyền và cần được tiếp cận CTGD phổ thông chung cơ bản; Cần có những điều chỉnh về môi trường nhà trường và môi trường xã hội để đảm bảo sự tham gia GD của người học; Xem xét việc điều chỉnh thời gian học, nội dung CT, phương pháp GD, DH, ĐG kết quả GD phù hợp với đặc điểm phát triển về tâm, sinh lí của người học.

2.2. Một số nghiên cứu và kinh nghiệm của Việt Nam

2.2.1. Nghiên cứu điều chỉnh chương trình giáo dục dành cho học sinh khuyết tật

Việt Nam đã có một số nghiên cứu về điều chỉnh CT và TLHT cho HSKT. Tác giả Nguyễn Xuân Hải nghiên cứu về *Điều chỉnh thích ứng CTGD Tiểu học cho HSKT trí tuệ* đã phân tích được những vấn đề khó của CT Tiểu học đối với trẻ khuyết tật trí tuệ và nêu các vấn đề cần điều chỉnh trong CT dành cho HSKT. Tác giả Phạm Minh Mục đã chỉ ra tầm quan trọng của điều chỉnh CTGD phổ thông cho HS khiếm thị, trong đó tác giả chỉ ra hai hướng: Điều chỉnh trong mục tiêu, nội dung CT của từng môn học; Điều chỉnh những điều kiện trong giảng dạy.

Năm 2010, Bộ GD&ĐT đã ban hành CTGD chuyên biệt dành cho HSKT cấp Tiểu học (dành cho HS khiếm thính, HS khiếm thị và HSKT trí tuệ). Trong CTGD chuyên biệt này, bên cạnh những yêu cầu về nội dung kiến thức, KN bám sát với CTGD phổ thông quốc gia, còn có những điều chỉnh về thời gian học và các nội dung, kiến thức, phương pháp, phương tiện GD, DH, ĐG kết quả GD; đồng thời có thêm CT hỗ trợ phát triển KN đặc thù cho từng đối tượng HSKT.

2.2.2. Nghiên cứu điều chỉnh chương trình giáo dục dành cho học sinh giáo dục thường xuyên

Ngày 31/5/1966, Chính phủ quyết định thành lập Trại biên soạn CT và SGK Bổ túc văn hoá để xây dựng CT, SGK riêng cho bổ túc văn hóa với phương châm “*Cơ bản, tinh giản, thiết thực, phù hợp*”. Từ đó, Trại biên soạn đã xây dựng được nhiều CT và biên soạn được nhiều TLHT phục vụ các đối tượng người học bổ túc văn hóa khác nhau.

Từ năm 1992 đến năm 2000, nhiều đề tài nghiên cứu điều chỉnh CT phù hợp với người học như: Đề tài cấp Bộ “*Điều chỉnh CT bổ túc văn hoá Trung học cơ sở, Trung học phổ thông theo hướng dùng chung SGK với hệ chính quy*”, do Vũ Đình Ruyet làm chủ nhiệm; đề tài cấp Bộ về “*Điều chỉnh CT dạy văn hoá và dạy nghề trong các trường bổ túc văn hoá trung học thanh thiếu niên*” do Vũ Đình Hải làm chủ nhiệm; đề tài cấp Bộ về “*Điều chỉnh CT bổ túc Trung học phổ thông*” do Lê Mộng Đĩnh làm chủ nhiệm. Các đề tài này đã nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn giúp cho Bộ GD&ĐT ban hành các CT như: CT bổ túc Trung học cơ sở và bổ túc Trung học phổ thông năm 1992 theo hướng dùng chung SGK với hệ chính quy; CT bổ túc Trung học phổ thông vừa học vừa làm; CT bổ túc Trung học cơ sở và bổ túc Trung học phổ thông năm 1997 theo hướng dùng chung SGK với hệ chính quy.

Đặc biệt sau năm 2000, cùng với chủ trương đổi mới CT và nội dung SGK theo Nghị quyết số 40/2000/QH ngày 9/12/2000 của Quốc hội, các CT của GDTX tương đương với CT Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông đã được xây dựng. Năm 2006, Viện Khoa học GD Việt Nam đã tiến hành xây dựng CT GDTX cấp Trung học phổ thông trên cơ sở vận dụng CT chuẩn của Trung học phổ thông, điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm của đại đa số học viên GDTX điều kiện thực tế của GDTX và được Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành theo Quyết định số 50/2006/QĐ-BGDĐT ngày 7/11/2006.

Các kết quả nghiên cứu cho thấy khi thực hiện CT GDTX và sử dụng chung SGK phổ thông như hiện nay là không phù hợp với các nhóm đối tượng khác nhau của GDTX, đặc biệt đối với đối tượng người lớn là cán bộ, công nhân, nông dân,... vừa làm vừa học, không có nhu cầu và điều kiện học tiếp lên bậc học cao hơn (cao đẳng, đại học). Vì vậy, việc sử dụng CTGD phổ thông trong GDTX cần phải có những điều chỉnh để phù hợp với đối tượng người học.

2.2.3. Nghiên cứu điều chỉnh chương trình giáo dục dành cho học sinh giáo dục dân tộc

Phát triển GD vùng DTTS nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nhân lực người DTTS và thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển của Đảng và Nhà nước ta. Trong nhiều năm qua, Viện Khoa học GD Việt Nam đã thực hiện những nghiên cứu khoa học về GD dân tộc đã góp phần quan trọng trong phát triển GD vùng dân tộc, điển hình như: *Nghiên cứu về dạy tiếng, chữ DTTS; Nghiên cứu phương pháp dạy tiếng Việt cho HS DTTS; Nghiên cứu thử nghiệm công nghệ dạy tiếng Việt ở trường tiểu học vùng dân tộc; Nghiên cứu thử nghiệm mô hình GD song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho 3 nhóm dân tộc Mông (ở Lào Cai), Jrai (ở Gia Lai) và*

Khmer (ở Trà Vinh), thực hiện ở mầm non và tiểu học,... CTGD song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ là CT mà trọng tâm là ngôn ngữ và văn hóa. CTGD này được thiết kết liên thông từ Mầm non đến hết cấp Tiểu học (6 năm). Trẻ bắt đầu đi học được học bằng tiếng mẹ đẻ học tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ thứ hai. Kết thúc quá trình trẻ có được cả 2 ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt. Tăng cường tiếng Việt là một nội dung quan trọng trong quá trình vận dụng CT Tiểu học ở vùng DTTS. Tăng cường tiếng Việt cho HS DTTS cần được tiến hành ở hai giai đoạn: Chuẩn bị vào lớp 1 (lớp mẫu giáo 5 tuổi) và giai đoạn đầu cấp (lớp 1, 2, 3).

Tóm lược kết quả các nghiên cứu của Viện Khoa học GD Việt Nam về một số định hướng vận dụng CTGD, SGK phổ thông cấp Tiểu học mới dành cho HS DTTS vùng khó khăn cho thấy: Vận dụng CTGD quốc gia linh hoạt, phù hợp với vùng DTTS là cách làm phù hợp với quan điểm chỉ đạo trong Nghị quyết số 29-NQ/TW về Đổi mới CTGD, SGK phổ thông sau năm 2015. Hướng vận dụng này phù hợp với kinh nghiệm phát triển CTGD của các nước trong khu vực và thế giới về xây dựng CTGD theo hướng mở cũng như thực tế nghiên cứu, triển khai CTGD, SGK cấp Tiểu học vùng DTTS trong nhiều thập kỉ qua. Các địa phương, nhà trường dựa vào CTGD quốc gia để xây dựng kế hoạch GD nhà trường phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện mà vẫn đạt mục tiêu DH và chuẩn CTGD.

Như vậy, Việt Nam trong những năm qua đã có quan điểm giống nhiều nước trên thế giới về việc sử dụng và điều chỉnh CTGD phổ thông cũng như xây dựng CTGD hỗ trợ cho HSKT, HS DTTS và HS GDTX. Mục tiêu là nhằm đảm bảo công bằng về cơ hội tham gia GD và nâng cao trình độ cho mọi người.

3. Giải pháp phát triển chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với học sinh khuyết tật, học sinh dân tộc thiểu số và học sinh giáo dục thường xuyên

Theo chủ trương, định hướng phát triển GD Việt Nam sẽ sử dụng một CT và nhiều bộ SGK trong GDPT. Việc thực hiện một CTGD nhằm đảm bảo cho người học đều có cơ hội bình đẳng trong hòa nhập cộng đồng và nâng cao trình độ học vấn. Tuy nhiên, do những đặc điểm phát triển cá nhân và điều kiện, môi trường văn hóa, kinh tế, xã hội khác nhau để bảo đảm bình đẳng cơ hội tham gia GD có chất lượng cho HSKT, HS DTTS và HS GDTX một số giải pháp cơ bản cần phải thực hiện đồng bộ:

Xây dựng CTGD phổ thông đáp ứng tốt nhất bình đẳng tham gia GD của HSKT, HS DTTS và HS GDTX. Để thực hiện giải pháp này, việc xây dựng và thẩm định CTGD (CT tổng thể và CT các môn học/hoạt động GD) cần có sự tham gia của các chuyên gia GD về các lĩnh vực này để kịp thời có những điều chỉnh phù hợp với mọi đối tượng người học;

Thành lập nhóm chuyên gia thực hiện điều chỉnh CTGD phổ thông phù hợp với các đối tượng người học. Song song với hoạt động xây dựng CTGD phổ thông mới, nhóm chuyên gia này sẽ thực hiện ngay việc điều



chính CTGD phổ thông để khi ban hành, mọi đối tượng người học đều có thể tham gia ngay vào GD theo CT mới;

Các CTGD hỗ trợ cho HSKT, HS DTTS, HS GDTX. Các CTGD hỗ trợ như phục hồi chức năng đặc thù cho HSKT, phát triển tiếng Việt cho HS DTTS, KN sống và hướng nghiệp cho HS GDTX...cần được xây dựng ngay nhằm giúp các nhóm HS này có thể tham gia học theo CTGD phổ thông và nhanh chóng hòa nhập cộng đồng;

Phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng GD, DH HSKT, HS DTTS, HS GDTX. Để thực hiện giải pháp này, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý cơ sở GD và đặc biệt là giáo viên để có thể tự chủ trong điều chỉnh nội dung CT, thực hiện đổi mới phương pháp, áp dụng các phương tiện, tài liệu GD, DH, ĐG kết quả GD phù hợp với đặc điểm phát triển, điều kiện và đặc trưng văn hóa... của từng HS;

Nghiên cứu xây dựng môi trường GD, học tập thân thiện. Bảo đảm môi trường để mọi HS đều có thể tiếp cận GD. Bên cạnh đó, các phương tiện, TLHT cần thiết kế, biên soạn phù hợp để giúp các nhóm HS này có thể bình đẳng tham gia GD. Thực hiện cung cấp miễn hoặc giảm phí các phương tiện học tập cho HSKT, HS DTTS, HS GDTX theo quy định của pháp luật;

Tuyên truyền để nâng cao nhận thức cộng đồng và huy động các nguồn lực xã hội vào GD, giúp HSKT, HS DTTS, HS GDTX thực hiện được CTGD phổ thông.

4. Kết luận

Bảo đảm bình đẳng tham gia GD cho mọi đối tượng HS đã được quy định trong các văn bản pháp luật của Việt Nam. GD phổ thông Việt Nam sử dụng một CT chung cho tất cả HS. Vì vậy, để HS phát triển hoặc

sống trong các môi trường văn hóa, ngôn ngữ, xã hội có những đặc điểm đặc trưng (HSKT, HS DTTS, HS GDTX), Bộ GD&ĐT cần phải điều chỉnh hợp lý và có CTGD hỗ trợ để HS có thể hoàn thành CTGD. CTGD điều chỉnh được thực hiện bằng những giải pháp cụ thể và thực hiện đồng bộ trong việc triển khai sẽ bảo đảm được quyền tham gia bình đẳng GD của mọi HS Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ GD&ĐT, (2010), *Chương trình chuyên biệt dành cho học sinh khuyết tật trí tuệ trong các trường chuyên biệt*.
- [2]. Nguyễn Xuân Hải, (2007), *Điều chỉnh thích ứng chương trình giáo dục Tiểu học cho trẻ chậm phát triển trí tuệ*.
- [3]. Phạm Minh Mục, (2006), *Điều chỉnh chương trình giáo dục phổ thông cho trẻ khuyết tật*, Tạp chí Khoa học Giáo dục.
- [4]. Department for Education and Skills (UK), (2001), *Inclusive schooling, Children with Special Education Needs*, DFES Publications.
- [5]. Thorburn, J, (1998), *Including Everyone: Teaching Students with Special Needs in Regular Classrooms*, Allegro Press.
- [6]. Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Dân tộc, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, (2015), *Báo cáo Tổng kết Giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ*.
- [7]. Nguyễn Minh Tuấn, (2014), *Định hướng vận dụng chương trình giáo dục phổ thông để xây dựng chương trình giáo dục thường xuyên*, Đề tài V2013-01-NV, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

DEVELOPING SUITABLE CURRICULUM FOR STUDENTS WITH DISABILITIES, ETHNIC STUDENTS AND THOSE AT CONTINUING CENTERS

Nguyen Duc Minh

The Vietnam Institute of Educational Sciences

Email: ducminhvision@gmail.com

Abstract: The general curriculum was developed for school-age students in accordance with provisions of the Education Law. Students with disabilities, in ethnic minority areas and at continuing centers will face difficulties due to specific features of mental development, physiology, culture and language when they follow this curriculum. To ensure equal opportunity to education access for all students, many foreign countries and Vietnam have adjusted this curriculum and develop supplemental programs for these subjects.

Keywords: General curriculum; supplemental programs; students with disabilities; ethnic minority; continuing education.